

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HS-ST

Ngày: 21.11.2017

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Võ Minh Sơn.

2. Bà: Phạm Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm lưu động công khai thụ lý số 33/2017/HSST ngày 09 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Trường E, sinh năm 1983; Nơi sinh: huyện G Q, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: ấp P A, xã V P A, huyện G Q, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Con: ông Huỳnh Văn T (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1953; Vợ: Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Con: 01 người sinh năm 2007; Tiền sự: không; Tiền án: 02 tiền án, ngày 10/4/2013 Tòa án nhân dân huyện G Q, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và ngày 25/12/2015 Tòa án nhân dân huyện G Q, tỉnh Kiên Giang xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/7/2017 cho đến nay. (Có mặt).

2. Đinh Văn Chiêu A, sinh năm 1983; Nơi sinh: huyện V T, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT: ấp B H, xã V B B, huyện V T, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp V H, xã H C, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: kinh; Con: ông Đinh Văn S, sinh năm 1963 và bà Tô Thị T, sinh năm 1963; Vợ: Võ Thị B, sinh năm 1985; Con: 03 người lớn nhất sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/7/2017 cho đến ngày 13/9/2017 được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

3. Võ Thị B, sinh năm 1985; Nơi sinh: huyện V T, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: ấp V H, xã H C, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Con: ông Võ Văn Y, sinh năm 1958 và bà Trương Thị L, sinh năm 1960; Chồng: Đinh Văn Chiều A, sinh năm 1983; Con: 03 người lớn nhất sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. (Có mặt).

* Người bị hại: Ngô Kim L, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Ấp V H, xã H C, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Châu Mỹ D, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Ấp V H, xã H C, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Văn Trường E và Đinh Văn Chiều A là bạn bè quen biết nhau từ trước. Vào tháng 05/2017 sau khi chấp hành án phạt tù xong thì Trường E đến sinh sống cùng với gia đình của Chiều A tại ấp V H, xã H C, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang cho đến nay.

Do không có tiền tiêu xài nên Trường E rủ Chiều A tìm nhà sơ hở đột nhập vào lấy trộm tài sản, Chiều A đồng ý. Cả hai bàn bạc Chiều A sẽ dùng xe mô tô biển kiểm soát 68V2-2693 chở Trường E đến ấp V H, xã H C để Trường E tìm nhà sơ hở đột nhập vào lấy trộm tài sản. Trong lúc bàn bạc thì Võ Thị B là vợ của Chiều A đều nghe, thấy và biết rõ nội dung sự việc. Sau khi bàn bạc xong thì vào khoảng 20 giờ, ngày 26/7/2017, Chiều A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68V2-2693 chở Trường E đến ấp V H, xã H C để Trường E tìm nhà sơ hở đột nhập vào lấy trộm tài sản. Chiều A quay xe về nhà đợi khi nào Trường E lấy được tài sản rồi chạy xe đến rước, khi đi Trường E mang theo 03 lưỡi dao lam. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày 26/7/2017 Trường E đi đến nhà của bà Ngô Kim L thuộc ấp V H, xã H C đứng bên ngoài nhìn thấy trái nhà bên phải có một giường ngủ, trong phòng vợ chồng chị L có để một cái túi xách nên ngồi đợi khi nào vợ chồng chị L ngủ say rọc vách nhà lấy trộm túi xách.

Đến khoảng 01 giờ, ngày 27/7/2017 thấy vợ chồng chị L ngủ say, Trường E dùng lưỡi dao lam rọc vách nhà xong, rồi rọc mùng của vợ chồng chị L và dùng cây móc dậm lúa móc lấy túi xách đem ra ngoài. Khi lấy trộm được túi xách Trường E đem ra ngoài kiểm tra thì phát hiện bên trong túi xách có 02 xấp tiền, 01 sợi dây chuyền vàng 18k và bọc thẻ card điện thoại, Trường E lấy bỏ vào túi quần của mình và bỏ túi xách lại. Sau đó điện thoại cho Chiều A chạy xe đến rước về nhà.

Khi về đến nhà Chiều A đem hai xấp tiền ra cho Chiều A kiểm tra, còn Trường E thì đi tắm. Chiều A kiểm tra thì tổng số tiền trộm được là 24.680.000đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), nhưng khi Trường E hỏi Chiều A trộm được bao nhiêu thì Chiều A nói là trộm được 16.800.000 đồng. Lúc này Trường E đưa sợi dây chuyền vàng 18k trộm được đưa cho Võ Thị B, còn số card điện thoại gồm 15 card (loại

20.000 đồng) thì Trường E và Chiều A nạp vào máy điện thoại, sau khi nạp xong thì Chiều A đốt bỏ số card điện thoại đã nạp, còn số tiền trộm được thì Chiều A cất giữ.

Đến khoảng 09 giờ ngày 27/7/2017 Võ Thị B tháo mặt dây chuyền vàng và đem sợi dây chuyền vàng 18k đến tiệm vàng Kim Hui của bà Châu Mỹ D ở chợ Nhà Ngang thuộc ấp V H, xã H C, huyện U M T bán và mua lại đôi bông tai vàng 18k đeo. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì Chiều A đưa cho Võ Thị B 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) kêu B mua 04 chỉ vàng 24k. B đem tiền đến tiệm vàng Kim Hui của bà Châu Mỹ D mua 04 chỉ vàng đem về nhà. Sau đó Võ Thị B, Đinh Văn Chiều A, Lê Văn Trường E bị cơ quan Công an mời làm việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 23/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện U M T kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k (loại vàng 60%) trọng lượng 01 (một) chỉ 01 (một) phân 08 (tám) ly, kiểu xoắn tròn tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 2.383.600đ (Hai triệu ba trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm đồng); 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18k, (loại vàng 60%), trọng lượng 02 (hai) phân 02 (hai) ly, kiểu Channel dạng hình chữ “X”, trên mặt dây chuyền có đính nhiều hạt màu trắng, tại thời điểm xâm hại có giá trị là 444.400đ (Bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng). Tổng giá trị tài sản bị xâm hại có giá trị được định giá tại thời điểm bị xâm hại là 2.828.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản trộm được là 27.808.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng).

Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) cái cặp, loại cặp quai xách hai bên, màu đỏ đen, cặp cũ đã qua sử dụng; 01 (một) cây kéo có tổng chiều dài 23cm, phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm có chữ “TV 89”, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng đã rỉ sét dài 13cm, mũi nhọn, kéo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ lưỡi lam bằng giấy màu vàng có in nhiều chữ “BIC” đã qua sử dụng; 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18k, (loại vàng 60%), trọng lượng 02 (hai) phân 02 (hai) ly, kiểu Channel dạng hình chữ “X”, trên mặt dây chuyền có đính nhiều hạt màu trắng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k (loại vàng 60%) trọng lượng 01 (một) chỉ 01 (một) phân 08 (tám) ly, kiểu xoắn tròn; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 68V2 - 2693, số máy: C12E-2118543, số khung: 1238Y38321, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký mô tô xe máy số 003395, tên chủ xe Nguyễn Thị Kim C, biển số xe đăng ký 68V2-2693; 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel, model: V6302, vỏ màu đen, kèm theo sim Viettel số 01667067428; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT, model: B66, vỏ màu trắng, kèm theo sim Viettel số 01666265314.

* Xử lý vật chứng: Ngày 22/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã trả lại cho bị hại Ngô Kim L, gồm: 01 (một) cái cặp, loại cặp quai xách hai bên, màu đỏ đen, cặp cũ đã qua sử dụng; 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18k, (loại vàng 60%), trọng lượng 02 (hai) phân 02 (hai) ly, kiểu Channel dạng hình chữ “X”, trên mặt dây chuyền có đính nhiều hạt màu trắng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k (loại vàng 60%) trọng lượng 01 (một) chỉ 01 (một) phân 08 (tám) ly, kiểu xoắn tròn.

Tại bản Cáo trạng số 33/CTr-VKS ngày 06/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn Trường E về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Đinh Văn Chiều A và Võ Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn Trường E từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Đinh Văn Chiều A từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 31 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Võ Thị B từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân của bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kéo có tổng chiều dài 23cm, phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm có chữ “TV 89”, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng đã rỉ sét dài 13cm, mũi nhọn, kéo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ lưỡi lam bằng giấy màu vàng có in nhiều chữ “BIC” đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 68V2 - 2693, số máy: C12E-2118543, số khung: 1238Y38321, xe cũ đã qua sử dụng và 01 (một) giấy đăng ký mô tô xe máy số 003395, tên chủ xe Nguyễn Thị Kim C, biển số xe đăng ký 68V2-2693; 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel, model: V6302, vỏ màu đen, kèm theo sim Viettel số 01667067428; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT, model: B66, vỏ màu trắng, kèm theo sim Viettel số 01666265314, theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 24 ngày 02/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Người bị hại bà Ngô Kim L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Trường E, Chiêu A và Búp thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo như nội dung cáo trạng đã nêu và đồng ý với quan điểm truy tố, các đề nghị về điều luật áp dụng, mức đề nghị xử phạt, trách nhiệm dân sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại bà Ngô Kim L thống nhất với nội dung cáo trạng đã nêu và lời trình bày của các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bà đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự bà yêu cầu xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo Trường E, Chiêu A, Võ Thị B trình bày: Các bị cáo đã biết hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận với hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U M T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai các bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 20 giờ ngày 26/7/2017 Lê Văn Trường E và Đinh Văn Chiêu A đã bàn bạc rủ nhau tìm nhà sơ hở đột nhập vào lấy trộm tài sản chia nhau tiêu xài. Trong lúc Trường E và Chiêu A bàn bạc thực hiện việc trộm cắp thì Võ Thị B là vợ của Chiêu A đều nghe và biết sự việc. Sau khi bàn bạc xong Chiêu A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68V2-2693 chở Trường E đến ấp V H, xã H C, huyện U M T để Trường E tự đi tìm nhà sơ hở đột nhập vào lấy trộm tài sản, còn Chiêu A quay xe về nhà đợi khi nào Trường E lấy được tài sản rồi chạy xe đến rước. Đến khoảng 01 giờ ngày 27/7/2017 Trường E dùng lưới lam lén lúc rọc vách nhà, rọc mùng của bà Ngô Kim L và dùng cây móc dậm lúa móc lấy túi xách của bà L. Sau khi trộm được tài sản Trường E điện thoại cho Chiêu A chạy xe đến rước về nhà. Sau khi về đến nhà thì Chiêu A là người trực tiếp kiểm, đếm tài sản. Chiêu A và Võ Thị B là người trực tiếp cất giữ tài sản trộm cắp được. Sau đó các bị cáo cùng chia nhau tiêu xài cá nhân. Tài sản trộm được gồm 24.680.000đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền mặt; 15 thẻ card điện thoại (loại 20.000 đồng); 01 sợi dây chuyền vàng 18k, kèm theo mặt dây chuyền. Tổng tài sản trộm cắp được có giá trị là 27.808.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng).

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận các bị cáo Lê Văn Trường E, Đinh Văn Chiêu A, Võ Thị B đã có hành vi lén lút lấy trộm của bà Ngô Kim L tài sản có giá trị là 27.808.000 đồng. Đối với bị cáo Lê Văn Trường E có 02 tiền án, vào ngày 10/4/2013 Tòa án nhân dân huyện G Q, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và ngày 25/12/2015 Tòa án nhân dân huyện G Q, tỉnh Kiên Giang xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Ngày 26/7/2017 bị cáo Trường E tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với số tiền 27.808.000 đồng nên lần phạm tội này bị cáo Trường E thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự.

Do đó, hành vi của bị cáo Lê Văn Trường E đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đinh Văn Chiêu A, Võ Thị B đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể hoặc cấu kết chặt chẽ với nhau trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Ngô Kim L. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có đầy đủ năng lực hình sự và nhận thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến trái phép đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

- Đối với bị cáo Lê Văn Trường E: Bị cáo là người khởi xướng việc trộm cắp và rủ rê, bàn bạc với bị cáo Chiêu A đi trộm cắp tài sản, là người trực tiếp chuẩn bị các công cụ cho việc phạm tội và là người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản của bà L. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có vai trò quyết định trong vụ án; bị cáo có hai tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo mang tính chất tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, cần có mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo Trường E phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo Chiêu A, Võ Thị B.

- Đối với bị cáo Đinh Văn Chiêu A: Bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Trường E trong việc trộm cắp tài sản của bà L. Điều đó thể hiện ở việc bị cáo là người trực tiếp chở bị cáo Trường E đến địa bàn ấp V H, xã H C để bị cáo Trường E tìm nhà sở hữu để trộm cắp tài sản và thực tế bị cáo Trường E đã trộm cắp được tài sản của bà L. Bị cáo là người trực tiếp kiểm, đếm và cất giữ tài sản trộm cắp được; là người trực tiếp nắm giữ số tiền trộm cắp được và sử dụng số tiền đó cho việc chi tiêu chung.

Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đối với bị cáo Võ Thị B: Bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Trường E, Chiêu A trong việc trộm cắp tài sản của bà L. Điều đó thể hiện ở việc khi bị cáo nghe hai bị cáo Trường E và Chiêu A bàn bạc đi trộm cắp tài sản bị cáo không ngăn cản, không khai báo. Sau khi bị cáo Trường E trộm cắp được tài sản, bị cáo Chiêu A chở bị cáo Trường E về đến nhà thì bị cáo là người trực tiếp cất giữ số tiền 800.000 đồng tiền mặt và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, kèm theo mặt dây chuyền, sau đó trực tiếp đi bán sợi dây chuyền vàng này và dùng số tiền mặt trộm cắp được đi mua 04 chỉ vàng 24. Vì vậy, bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

4.1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trường E, Chiêu A, Võ Thị B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ:

4.2.1. *Đối với bị cáo Lê Văn Trường E:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Trường E có nhân thân xấu, mặc dù đã bị Tòa án xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự không hướng thiện, cũng như ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian hợp lý nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

4.2.2. *Đối với bị cáo Đinh Văn Chiêu A:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo cùng với bị cáo B đã khắc phục hậu quả gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; người bị hại bà L có đơn xin bãi nại đối với bị cáo nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo Chiêu A có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian, để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công nhân tốt, sống có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

4.2.3. *Đối với bị cáo Võ Thị B*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo cùng với bị cáo Chiêu A đã khắc phục hậu quả gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo còn phải nuôi 03 người con còn nhỏ (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015), bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; người bị hại bà L có đơn xin bãi nại đối với bị cáo nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p, khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 31 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, không cần thiết bắt giam bị cáo mà giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục cũng đủ răn đe và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, sửa đổi thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U M T về tội danh đối với các bị cáo Trường E, Chiêu A, Búp và mức hình phạt đối với bị cáo Trường E, bị cáo Búp là có căn cứ. Tuy nhiên, về hình phạt đối với bị cáo Chiêu A đại diện Viện kiểm sát huyện U M T đề nghị áp dụng điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa nghiêm, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện các bị cáo Trường E, Chiêu A, B không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về các vấn đề khác:*

6.1. *Về biện pháp tư pháp*: Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS và khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kéo có tổng chiều dài 23cm, phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm có chữ “TV 89”, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng đã rỉ sét dài 13cm, mũi nhọn, kéo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ lưỡi lam bằng giấy màu vàng có in nhiều chữ “BIC” đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 68V2 - 2693, số máy: C12E-2118543, số khung: 1238Y38321, xe cũ đã qua sử dụng

và 01 (một) giấy đăng ký mô tô xe máy số 003395, tên chủ xe Nguyễn Thị Kim C, biển số xe đăng ký 68V2-2693;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel, model: V6302, vỏ màu đen, kèm theo sim Viettel số 01667067428;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT, model: B66, vỏ màu trắng, kèm theo sim Viettel số 01666265314.

Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 24 ngày 02/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

6.2. Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Ngô Kim L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Châu Mỹ D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

6.3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Văn Trường E, Đinh Văn Chiều A mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Đối với bị cáo Võ Thị B thuộc hộ nghèo được UBND huyện U M T, tỉnh Kiên Giang cấp Sổ chứng nhận hộ nghèo ngày 14/02/2017. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo B thuộc trường hợp miễn nộp án phí hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Trường E, Đinh Văn Chiều A và Võ Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Trường E 30 (ba mươi) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 27/7/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn Chiều A 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án. Được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giam trước từ ngày 27/7/2017 cho đến ngày 13/9/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị B 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân của bị cáo. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hòa Chánh, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Võ Thị B cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Chánh, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kéo có tổng chiều dài 23cm, phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm có chữ “TV 89”, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng đã rỉ sét dài 13cm, mũi nhọn, kéo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ lưỡi lam bằng giấy màu vàng có in nhiều chữ “BIC” đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 68V2 - 2693, số máy: C12E-2118543, số khung: 1238Y38321, xe cũ đã qua sử dụng và 01 (một) giấy đăng ký mô tô xe máy số 003395, tên chủ xe Nguyễn Thị Kim C, biển số xe đăng ký 68V2-2693;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel, model: V6302, vỏ màu đen, kèm theo sim Viettel số 01667067428;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT, model: B66, vỏ màu trắng, kèm theo sim Viettel số 01666265314.

Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 24 ngày 02/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Ngô Kim L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Châu Mỹ D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 12, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Lê Văn Trường E và Đinh Văn Chiếu A mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Võ Thị B được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- Cơ quan THA Dân sự huyện U M T;
- Công an huyện U M T;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa